CHI CỤC KIỂM LÂM LẠNG SƠN
PHÒNG SỬ DỤNG VÀ PTR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tặng Bằng khen tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU, ngày 03/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030

I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên: **LÊ VĂN CHA**
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 23 tháng 11 năm 1985; Giới tính: Nam;
- Quê quán: Xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Nơi thường trú: Số 8/1/177, đường Trần Hưng Đạo, khối Trần Thánh Tông, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Đơn vị công tác: Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm.
- Chức vụ: Trưởng phòng Sử dụng và phát triển rừng.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Với trọng trách được giao nhiệm vụ Trưởng phòng[1] Sử dụng và Phát triển rừng, cá nhân tôi được giao nhiệm vụ tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TU ngày 03/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2030, cụ thể như sau:

1. Công tác tham mưu văn bản triển khai Nghị quyết số 30-NQ/TU

Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết 30-NQ/TU, đã tham mưu lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm tham mưu trình Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và MT) trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 07/2/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Đề án Phát triển lâm nghiệp vền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2030 và Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh về Tổng thể phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2030, trong đó đã cụ thể hoá các chỉ tiêu, nhiệm vụ phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, Đề án Trồng một tỷ cây xanh[3] và Nghị quyết số 30-NQ/TU, phù hợp với tình hình thực tiễn ở cơ sở.

Tham mưu, trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành 18 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn có

---

[1] Từ 2021-4/2022, là Phó trưởng phòng, phụ trách phòng; từ 5/2022 đến nay là Trưởng phòng Sử dụng và phát triển rừng

tính định hướng, chiến lược trung hạn và dài hạn đến phát triển lâm nghiệp, tại phụ lục kèm theo.

(Có danh mục văn bản tại Phụ lục I kèm theo)

Công tác tham mưu các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU được thực hiện thường xuyên, kịp thời, tập trung chỉ đạo các nhiệm vụ như: triển khai các cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp của trung ương cho phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, của cơ sở; triển khai các biện pháp lâm sinh như trồng rừng, trồng cây xanh phân tán, công tác chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng; thẩm định, trình phê duyệt các dự án lâm sinh; công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và trồng rừng thay thế; công tác rà soát, điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng; tham mưu giải quyết các kiến nghị của đại biểu HĐND, kiến nghị cử tri, đảm bảo kịp thời; tham mưu tổ chức các hội nghị, ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát, hướng dẫn cơ sở tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; trình thẩm định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng, khai thác lâm sản; triển khai các nhiệm vụ mới như tín chỉ các-bon rừng, thực hiện thí điểm cấp mã số vùng trồng rừng.

2. Tham mưu các nhiệm vụ trọng tâm

Giai đoạn 2021 – 2025, được giao 13 nhiệm vụ trọng tâm, kết quả 2021-2024 đều được đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thanh xuất sắc nhiệm vụ được giao; riêng 02 nhiệm vụ trọng tâm năm 2025, đang triển khai thực hiện theo kế hoạch, dự kiến hoàn thành tốt trở lên. Trong đó, có chỉ tiêu trồng rừng được giao 9.000 ha/năm, kết quả trung bình giai đoạn 2021 – 2024 trung bình đạt 9.468 ha/năm, đạt 105,2%.

(Có danh mục nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

Việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết số 30-NQ/TU đã được UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện, giao nhiệm vụ chi tiết tại Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 26/7/2021 về Tổng thể phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2030, Văn bản số 363/UBND-KT, ngày 21/3/2024, về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 tại Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh.

Kết quả, các chỉ tiêu, nhiệm vụ đều hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch được giao được thể hiện thông qua báo cáo hàng năm của UBND tỉnh, đặc biệt là Thông báo số 557/TB-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh Kết luận của đồng chí Lương Trọng Quỳnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 – 2030, đánh giá hiệu quả bước đầu triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

3.1. Về khai thác lâm sản

Công tác khai thác lâm sản trên địa bàn tiếp tục được quản lý, theo dõi chặt chẽ theo quy định của pháp luật[2]. Kết quả khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ giai đoạn 2020-2025 (số liệu tính đến tháng 5 năm 2025): Khối lượng khai thác gỗ 2.539.558 m^3 đạt 145% kế hoạch giao (kế hoạch giai đoạn 2020-2025 mỗi năm khai thác 350.000 m^3). Khối lượng nhựa Thông 251.006 tấn đạt 167,3% kế hoạch giao (kế hoạch giai đoạn là 30.000 tấn/năm). Hoa Hồi 59.414 tấn đạt 91,4% kế hoạch giao. Vỏ Quế 6.077 tấn đạt 202,6% kế hoạch giao, Hạt Sở 15.569 tấn đạt 51,9% kế hoạch giao[3]

3.2. Công tác phát triển rừng và thực hiện các chỉ tiêu lâm sinh

Kết quả trồng rừng trung bình đạt 9.468 ha/năm, trồng cây xanh phân tán đạt trên 3 triệu cây/năm, các chỉ tiêu khoanh nuôi tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng đều hoàn thành kế hoạch được giao, góp phần hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất tập trung được tiếp tục duy trì và phát triển, lũy kế đến nay hầu hết các vùng nguyên liệu sản suất tập trung đã vượt chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2020 - 2025 gồm vùng Hồi 46.167,84 ha, vùng Thông 138.542,48 ha, vùng Keo 55.945,67 ha, vùng Bạch đàn 29.894,02 ha, vùng Quế 10.754,26 ha

3.3. Công tác Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Tham mưu Chi cục Kiểm lâm trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh ban hành Văn bản số 445/UBND-KT ngày 25/4/2022 vê việc tăng cường công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phù; tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản đề nghị UBND các huyện, thành phố tăng cường chức năng quản lý nhả nước về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận nguồn giống theo quy định; chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc tăng cường công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

Công tác tuyên truyền được chú trọng triển khai thực hiện, tổ chức hội nghị tập huấn về công tác quản lý giống trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn, đôn dốc các chủ nguồn giống, chủ cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp thực hiện sản xuất, gieo ươm, chăm sóc cây con ở vườn đảm bào chất lượng. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản tài liệu tuyên truyền các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (in, phát 1.000 tờ rơi tài liệu tuyên truyền đến các tô chức, cá nhân sàn xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn đảm bảo theo quy định). Trong giai đoạn 2021 – 2025, duy trì 700 – 800 cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp, tổng số cây sản xuất 1.550

---

[2] Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018, thông tư quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022, thông tư quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản

[3] - Năm 2021: Khối lượng khai thác gỗ 677.445 m^3, nhựa Thông 48.700 tấn, hoa Hồi 14.539 tấn, vỏ Quế 997 tấn, Hạt Sở 11.339 tấn, Lâm sản khác 62 tấn (Mác ca, Trám, Sa nhân…).

- Năm 2022: Khối lượng khai thác gỗ 574.580 m^3, nhựa Thông 57.139 tấn, hoa Hồi 14.914 tấn, vỏ Quế 1.431 tấn, Hạt Sở 112 tấn, Lâm sản khác 104,95 tấn (Mác ca, Trám, Sa nhân…).

- Năm 2023: Khối lượng khai thác gỗ 788.808 m^3, nhựa Thông 89.410 tấn, hoa Hồi 15.724 tấn, vỏ Quế 2.082 tấn, Hạt Sở 1.169 tấn, Củi 84.363,5 ster, Sa nhân 17,5 tấn. Củi 76.170,85 Ster.

- Năm 2024: Khối lượng khai thác gỗ 464.327,86 m^3, nhựa Thông 55.265,06 tấn, hoa Hồi 12.652,01 tấn, vỏ Quế 1.252 tấn, Hạt Sở 2.948,8 tấn, Mác ca 121,896 tấn.

- Kết quả khai thác 6 tháng đầu năm 2025: Khối lượng khai thác gỗ 34.426,96 m^3, nhựa Thông 491,53 tấn, hoa Hồi 1.585 tấn, vỏ Quế 315 tấn, Củi 3.786,27 ster.

triệu cây[4], đạt 155% kế hoạch giao (kế hoạch sản xuất 200 triệu cây/năm). Tính đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 39 nguồn giống được công nhận còn hiệu lực[5], giá trị ước đạt trên 250 - 300 tỷ đồng/năm.

3.4. Thực hiện nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (Dịch vụ môi trường rừng)

Thực hiện ký hợp đồng ủy thác chi tiền dịch vụ môi trường rừng. Tham mưu ban hành Quyết định thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng thu hưởng. Kết quả:

- Năm 2020: Số tiền thực thu và chi là 2.953.183.300 đồng (chi quản lý phí là 295.318.330 đồng, chi cho chủ rừng là 2.657.864.970 đồng).

- Năm 2021: Số tiền thực thu và chi là 2.535.468.951 đồng (chi quản lý phí là 253.340.000 đồng, chi cho chủ rừng là 2.282.128.951 đồng).

- Năm 2022: Căn cứ Kế hoạch thu tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là 4.816.750.578 đồng (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 08/3/2022). Tổng số tiền thu được là: 5.406.436.566 đồng (đạt 112% so với kế hoạch thu chi đã được phê duyệt). Trong năm đã chi trả tiền DVMTR cho chủ rừng là 4.939.793.921 đồng (trong đó: nguồn thu năm 2020 là 2.657.864.970 đồng; nguồn thu năm 2021 là 2.281.928.951 đồng).

- Năm 2023: Kế hoạch thu tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là 5.720.407.322 đồng (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 07/3/2023). Trong năm, đã tiến hành chi trả 4.867.592.055 đồng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh (giao Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố tiến hành chi trả tiền DVMTR bằng tiền mặt cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân là 1.560.124.458 đồng, chi trả cho cộng đồng dân cư là 68.989.536 đồng; Đã thanh toán qua tài khoản ngân hàng cho các tổ chức là 104.389.632 đồng; UBND cấp xã là 3.134.088.429 đồng).

- Năm 2024: Tổng số tiền thu được là 5.019.412.364 đồng. Sô tiền đã chi năm 2024 (nguồn tiền thu năm 2023) 7.017.263.769 đồng.

- Kết quả 6 tháng đầu năm 2025: Tổng số tiền thu được là 1.032.105.118 đồng[6]. Hiện tại Hạt Kiểm lâm các huyện đang tiến hành chi trả cho các các chủ rừng có diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

---

[4] - Năm 2021: Trên toàn tỉnh có 870 vườn ươm, *sản* xuất được 310 triệu cây các loại.
- Năm 2022: Tổ chức thẩm định và công nhận được 07 nguồn giống, toàn tỉnh có 17 nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận còn hiệu lực; toàn tỉnh có 804 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp, số lượng cây sản xuất gieo ươm là 445,55 triệu cây.
- Năm 2023: Tiếp nhận 50 hồ sơ đề nghị công nhận nguồn giống, nâng lên 24 nguồn giống; có 788 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổng số cây giống sản xuất được 267,07 triệu cây giống các loại, đạt 133,5 % kế hoạch.
- Năm 2024: nhận được 19 hồ sơ đề nghị công nhận nguồn giống, nâng tổng số nguồn giống công nhận còn hiệu lực lên 39 nguồn giống[4], toàn tỉnh có 786 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; sản xuất được 383 triệu cây giống các loại.
- Kết quả 6 tháng đầu năm 2025: toàn tỉnh có 739 cơ sở sản xuất, kinh doanh, số lượng cây đã sản xuất gieo ươm khoảng 144 triệu cây, toàn tỉnh có 39 nguồn giống được công nhận còn hiệu lực.

[5] Lũy kế, tính đến nay (tháng 5/2025) trên địa bàn toàn tỉnh có 39 nguồn giống được công nhận còn hiệu lực (Trong đó: có 21 nguồn giống cung cấp hom, cành ghép loài cây Keo và Mắc ca; 16 nguồn giống cung cấp hạt loài cây Thông, Quế, Hồi (có cung cấp mắt ghép), Sở; 01 nguồn giống cung cấp cành triết cây Thanh mai; 01 nguồn giống cung cấp vật liệu nhân giống vô tính cây Lát hoa) cơ bản chất lượng nguồn giống đảm bảo phục vụ việc sản xuất cây giống.

3.5. Trồng rừng thay thế

- Sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành các Thông tư: Số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; Số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp, Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành các văn bản[7] triển khai thực hiện công tác trồng rừng thay thế; ban hành các Quyết định phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế[8] trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương, làm cơ sở để chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp tiền theo đơn giá của tỉnh.

- Tham mưu ban hành văn bản[9] hướng dẫn chung cho UBND các huyện, thành phố, Ban Quản lý rừng đặc dụng, các chủ rừng là tổ chức về việc triển khai thực hiện trồng rừng thay thế, rà soát quỹ đất trống trong quy hoạch đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; tổ chức các Hội nghị triển khai các Thông tư quy định về trồng rừng thay thế[10], trao đổi, giải đáp những khó khăn, vướng mắc để các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

- Sau khi có chủ trương về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường)

---

[6] Lũy kế: 1.032.105.118 đồng. Trong đó: + Thu điều phối từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: ***0*** đồng. + Thu nội tỉnh 1.032.105.118 đồng, cụ thể: Thu từ cơ sở thủy điện: 708.859.728 đồng; Thu từ cơ sở nước sạch: 271.472.240 đồng; Thu từ cơ sở sản xuất công nghiệp: 51.773.150 đồng; Thu từ cơ sở du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: 0 đồng.

[7] Văn bản số 3937/VP-KT ngày 14/8/2023 về việc triển khai thực hiện Công văn số 5328/BNN-LN ngày 04/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác trồng rừng thay thế; Văn bản số 25/VP-KT ngày 02/01/2024 về việc thực hiện Công văn số 9471/BNN-LN ngày 26/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện công tác trồng rừng thay thế; Văn bản số 1299/VP-KT ngày 22/3/2024 về việc triển khai thực hiện Công văn số 334/LN-KHTC ngày 13/3/2024 của Cục Lâm nghiệp về thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Văn bản số 1990/VP-KT ngày 26/4/2024 về việc thực hiện chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trồng rừng thay thế; Văn bản số 3526/VP-KT ngày 09/7/2024 về việc triển khai thực hiện Công văn số 978/LN-QLBVR ngày 03/7/2024 của Cục Lâm nghiệp về đôn đốc nộp tiền trồng rừng thay thế; Văn bản số 3753/VP-KT ngày 21/7/2024 về việc triển khai thực hiện Công văn số 4979/BNN-LN ngày 15/7/2024 thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp và trồng rừng thay thế.

[8] Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 về phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 về phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

[9] Văn bản số 236/UBND-KT ngày 03/3/2023 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 390/SNN-KL ngày 02/3/2024 về việc đề nghị các chủ đầu tư chủ động triển khai các nhiệm vụ trồng rừng thay thế năm 2024; văn bản số 774/SNN-KL ngày 12/4/2024 về việc triển khai thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; văn bản số 254/SNN-KL ngày 10/02/2025 về việc triển khai thực hiện công tác trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Giấy mời số 08/GM-KL ngày 14/3/2025 về Tham dự Hội nghị triển khai các Văn bản của Trung ương trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

[10] Giấy mời số 03/GM-KL ngày 07/02/2023 của Chi cục Kiểm lâm Hội nghị triển khai Thông tư: số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Giấy mời số 03/GM-KL ngày 22/01/2024 về Hội nghị triển khai thực hiện một số Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giấy mời số 08/GM-KL ngày 14/3/2025 về Tham dự Hội nghị triển khai các Văn bản của Trung ương trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

ban hành các văn bản hướng dẫn[11] chi tiết cho từng chủ dự án thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế; tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chấp thuận phương án thực hiện trồng rừng thay thế của các chủ đầu tư, giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện trồng rừng thay thế tại các địa phương có quỹ đất để trồng rừng, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí, nội dung chi trồng rừng thay thế từ nguồn Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh cho các chủ đầu tư tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định, đảm bảo diện tích trồng rừng thay thế không thấp hơn diện tích do các chủ dự án đã nộp tiền.

- Thu tiền trồng rừng thay thế: Tổng số tiền trồng rừng thay thế đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng: 126.528,62 triệu đồng, trong đó: năm 2019 thu 3.124,30 triệu đồng; năm 2020 thu 202,03 triệu đồng; năm 2021 không có phát sinh thu; năm 2022 thu 2.597,03 triệu đồng; năm 2023 thu 27.535,66 triệu đồng; năm 2024 thu 90.866,98 triệu đồng; năm 2025 (tính đến ngày 15/4/2025) thu 2.202,62 triệu đồng

- Chi tiền trồng rừng thay thế: Tổng số chi tiền trồng rừng thay thế là 62.488,95 triệu đồng (*trong đó nộp về Quỹ trung ương 50.016.584.843 đồng*), cụ thể: năm 2019 không có chi; năm 2020 chi 1.335,28 triệu đồng; năm 2021 chi 905,32 triệu đồng; năm 2022 chi 680,53 triệu đồng; năm 2023 chi 14.002,79 triệu đồng; năm 2024 chi 45.565,03 triệu đồng; năm 2025 (tính đến ngày 15/4/2025) chưa chi. Số tiền đã giải ngân toàn bộ cho chủ đầu tư thực hiện trồng rừng thay thế để chi theo quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán.

- Hàng năm, tham mưu Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện trồng thay thế của các chủ đầu tư sử dụng nguồn kinh phí Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các dự án tự tổ chức thực hiện trồng rừng thay thế. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số kinh phí cho các chủ đầu tư theo tiến độ hằng năm theo quyết định đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện các

---

[11] Văn bản số 397/SNN-KHTC ngày 11/3/2022 hướng dẫn lập hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế của dự án Đồn Biênphòng Bình Nghi; Văn bản số 761/SNN-KL ngày 29/4/2022 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế trước thời điểm Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 có hiệu lực thi hành; Văn bản số 2084/SNN-KL ngày 10/10/2022 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Văn bản số 2629/SNN-KL ngày 02/12/2022 hướng dẫn trình tự hồ sơ phương án bằng hình thức nộp tiền trồng rừng thay thế Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700 đến Km18); Văn bản số 2790/SNN-KL ngày 22/12/2022 hướng dẫn, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Văn bản số 427/SNN-KL ngày 02/3/2023 hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Văn bản số 597/SNN-KL ngày 22/3/2023 hướng dẫn, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và thực hiện các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Văn bản số 1806/SNN-KL ngày 04/8/2023 hướng dẫn, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và thực hiện các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Văn bản số 2384/SNN-KL ngày 05/10/2023 hướng dẫn, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và thực hiện các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Văn bản số 2413/SNN-KL ngày 09/10/2023 hướng dẫn thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế; Văn bản số 2961/SNN-KL ngày 27/11/2023 hướng dẫn, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế và thực hiện các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND tỉnh); Văn bản số 3096/SNN-KL ngày 02/12/2024 hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế để triển khai các dự án Cụm công nghiệp (Na Dương 1, Na Dương 2, Na Dương 3); Văn bản số 3270/SNN-KL ngày 21/12/2024 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế.

biện pháp lâm sinh theo quy định, phối hợp với UBND các xã và đơn vị có liên quan tuyên truyền ý nghĩa và tầm quan trọng của việc trồng rừng thay thế và đôn đốc các hộ gia đình tham gia trồng rừng thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ rừng trồng thay thế theo quy định.

- Tham mưu rà soát đất trống: ban hành 14 văn bản[12] chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thành phố tổ chức rà soát diện tích đất trống quy hoạch cho rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên cơ sở chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và kết quả theo dõi diễn biến rừng hằng năm của tỉnh để làm căn cứ triển khai trồng rừng, gồm:

- Tham mưu Giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện trồng rừng thay thế (gồm 15 dự án với diện tích 563,82 ha; 20 dự án diện tích 281,42 ha) trên địa bàn tỉnh đối với diện tích đủ điều kiện, đảm bảo đúng đối tượng, định mức; diện tích đã trồng rừng được thường xuyên kiểm tra, giám sát, cây trồng sinh trưởng phát triển từ trung bình đến tốt, hàng năm được nghiệm thu theo quy định.

3.6. Quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng

** Quản lý rừng bền vững*

Tham mưu thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững đối với diện tích rừng đặc dụng trên địa bản tỉnh, bao gồm: Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 10/4/2021 Về việc phê duyệt phương án quản lý bền vững Rừng đặc dụng Bắc Sơn, giai đoạn 2021 – 2030; Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 Về việc phê duyệt phương án quản lý bền vững Rừng đặc dụng Hữu Liên, giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 08/5/2021 Về việc phê duyệt phương án quản lý bền vững Rừng đặc dụng Mẫu Sơn, giai đoạn 2021-2030; làm cơ sở để triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng được thực hiện theo quy định Luật Lâm nghiệp và quy chế quản lý rừng của Chính phủ và các quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

---

[12] Có 07 văn bản của Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường): Công văn số 350/SNN-KL ngày 23/02/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Lạng Sơn, về việc đăng ký kế hoạch trồng rừng thay thế; Công văn số 2399/SNN-KL, ngày 06/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh về việc rà soát quỹ đất trống trong quy hoạch đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Công văn số 2491/SNN-KL, ngày 17/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh về việc đôn đốc rà soát quỹ đất trống trong quy hoạch đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Công văn số 90/SNN-KL ngày 12/01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lạng Sơn về việc rà soát quỹ đất trống trong quy hoạch đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Công văn số 210/SNN-KL ngày 26/01/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn về việc đôn đốc rà soát quỹ đất trống thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Công văn số 1580/SNN-KL ngày 02/7/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lạng Sơn về việc rà soát, xác định quỹ đất để triển khai các nhiệm vụ trồng rừng thay thế năm 2024; Công văn số 254/SNN-KL ngày 10/02/2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT V/v triển khai thực hiện công tác trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Có 7 văn bản của Chi cục Kiểm lâm: Văn bản số 59/CV-BĐH ngày 10/10/2023 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng V/v chuẩn bị hiện trường để thực hiện trồng rừng thay thế năm 2024; Thông báo số 62/TB-KL, ngày 22/8/2024 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn về kết luận Hội nghị giao ban thường kỳ tháng 8 năm 2024 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn; Thông báo số 80/TB-KL ngày 22/11/2024 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn về Kết luận Hội nghị giao ban thường kỳ tháng 11 năm 2024; Thông báo số 07/TB-KL ngày 14/02/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn về Kết luận Hội nghị giao ban thường kỳ tháng 02 năm 2025; Thông báo số 34/TB-KL ngày 26/3/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn về Kết luận Hội nghị giao ban thường kỳ tháng 3 năm 2025; Kế hoạch số 23/KH-KL ngày 28/3/2025 của Chi cục Kiểm lâm Kiểm tra kết quả rà soát quỹ đất trống thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 163/KL-SDPTR ngày 22/4/2025 của Chi cục Kiểm lâm về việc thống nhất diện tích đất trống thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

** Cấp chứng chỉ rừng*

- Tham mưu triển khai thực hiện "Thí điểm cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn", kết quả, đã được Tổ chức GFA Certification GmbH tại Cộng hòa Liên Bang Đức cấp chứng chỉ rừng VFCS/PEFC cho gỗ Thông, Keo và Nhựa Thông với diện tích là 4.593,86 ha (gồm 1.372,14 ha Keo, 3.221,72 ha Thông) cho 42 nhóm hộ tại 5 xã trên địa bàn huyện Đình Lập.

- Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh đã được cấp 04 loại chứng chỉ rừng với tổng diện tích 15.136,06 ha đạt 302,72% theo kế hoạch Nghị quyết 30/NQ-TU tính đến 2025 và đạt 151,36% chỉ tiêu kế hoạch gia đoạn 2026 - 2030. Toàn bộ diện tích được cấp chứng chỉ trên địa bàn huyện Đình Lập. Đây là nhiệm vụ mới, lần đầu tiên được thực hiện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, do đó có ý nghĩa vai trò quan trọng, là bước đi phù hợp với xu thế tất yếu trong thời kỳ hội nhập, đã cho thấy sự thích ứng nhanh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

- Nhiệm vụ cấp chứng chỉ rừng bước đầu cho thấy đang được sự đồng thuận cao của người dân, doanh nghiệp, nhận thức của người dân được nâng lên, tư duy về phát triển lâm nghiệp được thay đổi theo hướng thay vì tập trung mở rộng diện tích như trước đây thì hiện nay đã dần được chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích, là tiền đề thúc đẩy giá trị sản xuất lâm nghiệp, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp đối với diện tích hơn 602 nghìn ha của tỉnh Lạng Sơn, chiếm hơn 72% diện tích tự nhiên của tỉnh, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021, phù hợp với Luật Lâm nghiệp và các chính sách quan trọng khác có liên quan.

Sản phẩm lâm nghiệp có chứng chỉ quản lý rừng đủ điều kiện vươn ra thị trường thế giới, là cầu nối giúp người dân, doanh nghiệp của tỉnh kết nối với thị trường trong và ngoài nước, đây là tiền đề quan trọng, là giải pháp căn cơ nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong suốt thời gian dài sản phẩm lâm nghiệp của tỉnh chủ yếu là chế biến thô, công tác giao thương với thị trường thế giới còn nhiều hạn chế, chủ yếu qua con đường tiểu ngạch, giá cả không ổn định, thiếu tính bền vững, không thúc đẩy được sự phát triển lâm nghiệp trong nhân dân. Hiện nay, một số diện tích rừng có chứng chỉ đã và đang được khai thác, chủ doanh nghiệp đang thu mua theo đúng cam kết với giá cao hơn thị trường khoảng 3%, đây là thành quả quan trọng nhằm góp phần triển khai kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng ngành lâm nghiệp và kim ngạch xuất khẩu lâm sản năm 2025, góp phần đưa tăng trưởng GRDP toàn ngành nông nghiệp của tỉnh Lạng Sơn năm 2025 đạt 7,79%, đảm bảo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh và mục tiêu tăng trưởng hai con số năm 2025 theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

3.7. Nâng cao giá trị sản xuất và tăng trưởng ngành lâm nghiệp

Tập trung thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng bằng việc thúc đẩy trồng rừng thâm canh các loài cây giống mới, hướng tới trồng cây gỗ lớn, cây bản địa có giá trị kinh tế cao; triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao năng suất, chất

lượng, giá trị kinh tế hoa Hồi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn[13], trên địa bàn tỉnh đã trồng mới thay thế, cải tạo đối với diện tích rừng Hồi già cỗi, thoái hoá, cho năng suất thấp với với tổng diện tích 754,0 ha; đang triển khai thực hiện 03 mô hình/dự án Hồi hữu cơ với tổng diện tích dự kiến 291,22 ha (Bình Gia 01 mô hình 26,0 ha; Chi Lăng 02 dự án 265,22 ha); tham mưu chỉ đạo UBND các huyện lựa chọn xây dựng 05 mô hình trình diễn để người dân học tập, nhân rộng, đến nay đã có 03 huyện Văn Quan, Cao Lộc, Tràng Định dự kiến lựa chọn mỗi huyện 01 mô hình trình diễn để người dân học tập, nhân rộng.

Hiện nay, đang triển khai thực hiện thí điểm cấp mã số vùng trồng với diện tích 5.000 ha tại huyện Đình Lập, đảm bảo truy xuất nguồn gốc rõ ràng, đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất và đưa sản phẩm ra nước ngoài được coi là một trong những tiêu chí đầu tiên để nông sản trong nước đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

Với kết quả triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 30/NQ-TU, tốc độ tăng giá trị tăng thêm của ngành lâm nghiệp ước đạt khoảng 5,0 – 6,0%; giá trị tăng thêm ngành lâm nghiệp hàng năm ước đạt trên 4.000 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo thành tích đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tặng Bằng khen tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU, ngày 03/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, kính trình cấp có thẩm quyền xem xét./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ	**NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH**
	(Ký, ghi rõ họ và tên)
CHI CỤC TRƯỞNG	
CHI CỤC KIỂM LÂM	
Nguyễn Hữu Hưng	**Lê Văn Cha**

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG

GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hữu Chiến

[13] Công văn số 1425/UBND-KT ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc tổ chức thực hiện Kết luận của Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh tại phiên họp chất vấn về thực trạng, các giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế hoa Hồi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn